

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**QUẬN C Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2021

V/v "*Không công nhận  
quan hệ vợ chồng*"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Bùi Thanh Trí.**

**2/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký  
Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Trần  
Bảo Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét  
xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày  
11/5/2021 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 132/2021/QĐXXST-  
HNGĐ ngày 26/5/2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm: 1976 (Xin giải quyết vắng  
mặt).

Địa chỉ: Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

\* *Bị đơn:* Ông **Đào Thanh H**, sinh năm: 1979 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày và yêu cầu:* Trước đây năm  
2011 bà và ông Đào Thanh H tự nguyện đi đến hôn nhân, nhưng không có làm lễ  
cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống thời gian đầu  
hạnh phúc, khoảng một năm trở lại đây thì giữa bà với ông H không có tiếng nói  
chung, mâu thuẫn tình cảm ngày càng nặng nề, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H có với nhau 02 (hai) con chung là Đào Ngọc H (nữ) sinh ngày 22/12/2011 và Đào Ngọc A (nữ) sinh ngày 02/8/2017; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hân và cháu Anh cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống thì bà với ông H không có tài sản chung và cũng không có nợ ai hết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Đào Thanh H trình bày: Ông H thống nhất với phần trình bày của bà T như trên về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung và con chung là đúng. Hôn nhân của ông với bà T trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống ông và bà T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trước yêu cầu của bà T, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T.

- Về con chung: Ông thống nhất giao hai con chung Đào Ngọc H (nữ) sinh ngày 22/12/2011 và Đào Ngọc A (nữ) sinh ngày 02/8/2017 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông không pH cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống không có tài sản chung và cũng không có nợ ai hết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; không phát hiện vi phạm.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông H đúng quy định, tại phiên tòa hôm nay ông H và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, đây là quyền của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung: Bà T và ông H tự nguyện đi đến hôn nhân nhưng không có đăng ký theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T với ông H. Về con chung: Giao hai con chung

là Đào Ngọc Hân và Đào Ngọc Anh cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Thu T và ông Đào Thanh H tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông H, quan hệ tranh chấp được xác định là không công nhận quan hệ vợ chồng, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T và ông Đào Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Đào Thanh H tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011, nhưng cả hai không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tiến tới hôn nhân thì ông H 32 tuổi, bà T 35 tuổi, là đủ điều kiện về tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Lẽ ra ông H và bà T pH tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền để phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Cho nên quan hệ hôn nhân giữa ông H với bà T không được pháp luật thừa nhận và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ, chồng, bà T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông H, trong quá trình giải quyết vụ án ông H có ý kiến là thống nhất với yêu cầu của bà T, xét yêu cầu này của bà T là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

- Về con chung: Bà T và ông H khai thống nhất trong thời gian chung sống có 02 (hai) con chung là Đào Ngọc H (nữ) sinh ngày 22/12/2011 và Đào Ngọc A (nữ) sinh ngày 02/8/2017. Mặc dù hôn nhân của ông H và bà T không được pháp

luật thừa nhận, không phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ, chồng, nhưng quyền và nghĩa vụ đối với con chung vẫn được ghi nhận và điều chỉnh theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T và ông H thống nhất giao hai con chung là cháu H và cháu A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Xét đây là sự thỏa thuận thống nhất của các bên đương sự, hơn nữa cháu H và A là nữ nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Mặt khác, tại bản ý kiến ngày 26/5/2021 của cháu Hân có ý kiến là trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau thì muốn sống với mẹ. Cho nên Hội đồng xét xử nghĩ nên giao hai con chung là cháu H và A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp và có căn cứ.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có ý kiến là không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, mặc dù đã được giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà T vẫn không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; xét đây là sự tự nguyện của bà T, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông H theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H khai thống nhất trong thời gian chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản các Điều 14, 15, 53, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thu T với ông Đào Thanh H.

**2. Về con chung:** Có 02 (hai) con chung là Đào Ngọc H (nữ) sinh ngày 22/12/2011 và Đào Ngọc A (nữ) sinh ngày 02/8/2017; giao hai con chung là cháu H và cháu A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông H theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà T và ông H khai thống nhất trong thời gian chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

**4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006842 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ; bà T đã nộp xong án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định; để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- TAND Tp.Cần Thơ;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Phan Vũ Linh**